

Số: *2794* /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày *25* tháng *12* năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thực hiện tại
Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm, 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Đề án thành lập Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục 383 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện; Công an huyện, Chi cục Thuế, Hạt Kiểm lâm được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Phục vụ hành chính công các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; Công an tỉnh, Cục Thuế tỉnh cập nhật đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết cụ thể của từng thủ tục hành chính đã được Phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này vào Hệ thống thông tin một cửa điện tử, có trách nhiệm cung cấp, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức niêm yết công khai trực tiếp tại Bộ phận Phục vụ hành chính công, Công Dịch vụ công, trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử và trên Trang thông tin điện tử cấp huyện, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, tìm hiểu khi thực hiện thủ tục hành chính.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Công an tỉnh, Công an huyện, Cục thuế

tỉnh, Chi cục Thuế, Hạt Kiểm lâm; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Phục vụ hành chính công các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chánh VPUBND tỉnh (NC);
- Công thông tin điện tử;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH



Đỗ Đức Duy

PHỤ LỤC DANH MỤC

Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện;
các cơ quan: Công an huyện, Chi cục Thuế, Hạt Kiểm lâm được thực hiện
tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Phục vụ hành chính công

STT	TÊN PHỤ LỤC	SỐ LƯỢNG TTHC	TRANG
1	Phụ lục số 01: Danh mục TTHC thuộc lĩnh vực Kế hoạch - Tài chính	28	1
2	Phụ lục số 02: Danh mục TTHC thuộc lĩnh vực Văn hóa và Thông tin	18	3
3	Phụ lục số 03: Danh mục TTHC thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	43	5
4	Phụ lục số 04: Danh mục TTHC thuộc lĩnh vực Y tế	10	7
5	Phụ lục số 05: Danh mục TTHC thuộc lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội	31	8
6	Phụ lục số 06: Danh mục TTHC thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường	32	10
7	Phụ lục số 07: Danh mục TTHC thuộc lĩnh vực Tư pháp	33	13
8	Phụ lục số 08: Danh mục TTHC thuộc lĩnh vực Tổ chức - Nội vụ	37	15
9	Phụ lục số 09: Danh mục TTHC thuộc lĩnh vực Kinh tế - Hạ tầng	19	17
10	Phụ lục số 10: Danh mục TTHC thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	28	19
11	Phụ lục số 11: Danh mục TTHC thuộc lĩnh vực Dân tộc	01	21
12	Phụ lục số 12: Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an huyện	03	22
13	Phụ lục số 13: Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục Thuế	100	23
14	Phụ lục số 14: Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Hạt Kiểm lâm	08	30

PHỤ LỤC SỐ 01
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC
KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH ĐƯA RA THỰC HIỆN TẠI
BỘ PHẬN PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2194/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	KẾ HOẠCH	
Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh		
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	
3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	
Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hợp tác xã		
6	Đăng ký hợp tác xã	
7	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	
8	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã	
9	Đăng ký khi hợp tác xã chia	
10	Đăng ký khi hợp tác xã tách	
11	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	
12	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	
13	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)	
14	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)	
15	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	

16	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	
17	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	
18	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	
19	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	
20	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	
21	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	
22	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	
23	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)	
24	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	
II	TÀI CHÍNH	
Lĩnh vực Quản lý công sản		
25	Mua quyền hóa đơn	
26	Mua hóa đơn lẻ	
27	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản	
28	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của tổ chức, cá nhân tham gia mua, thuê tài sản, nhận chuyển nhượng, thuê quyền khai thác tài sản công	

PHỤ LỤC SỐ 02
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC VĂN HÓA
VÀ THÔNG TIN ĐƯA RA THỰC HIỆN TẠI BỘ PHẬN PHỤC VỤ
HÀNH CHÍNH CÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2194 /QĐ-UBND
ngày 25 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
Lĩnh vực Văn hóa cơ sở		
1	Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	
2	Công nhận “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa” và tương đương	
3	Công nhận “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương	
4	Công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	
5	Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	
6	Công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	
7	Công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	
Lĩnh vực Thư viện		
8	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản	
Lĩnh vực Gia đình		
9	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	
10	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	
11	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	
12	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	
13	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	
14	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	

Lĩnh vực Lễ hội		
15	Đăng ký tổ chức lễ hội	
16	Thông báo tổ chức lễ hội	
Lĩnh vực Xuất bản		
17	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	
18	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	

PHỤ LỤC SỐ 03
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO ĐƯA RA THỰC HIỆN TẠI BỘ PHẬN PHỤC VỤ
HÀNH CHÍNH CÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2194/QĐ-UBND
 ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
1	Thành lập nhà trường, nhà trẻ	
2	Cho phép hoạt động giáo dục nhà trường, nhà trẻ	
3	Sáp nhập, chia, tách nhà trường, nhà trẻ	
4	Giải thể hoạt động nhà trường, nhà trẻ	
5	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	
6	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	
7	Sáp nhập, chia tách trường tiểu học	
8	Thủ tục Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	
9	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	
10	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	
11	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	
12	Sáp nhập, chia tách trường trung học cơ sở	
13	Giải thể trường trung học cơ sở (Theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường).	
14	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập	
15	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập	
16	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	
17	Thành lập nhà trường, nhà trẻ tư thục	
18	Cho phép hoạt động giáo dục nhà trường, nhà trẻ tư thục	
19	Sáp nhập, chia, tách nhà trường, nhà trẻ tư thục	

20	Giải thể nhà trường, nhà trẻ tư thực	
21	Cho phép thành lập nhà trường, nhà trẻ dân lập	
22	Cho phép nhà trường, nhà trẻ dân lập hoạt động giáo dục	
23	Sáp nhập, chia, tách nhà trường, nhà trẻ dân lập	
24	Giải thể nhà trường, nhà trẻ dân lập	
25	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	
26	Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu	
27	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	
28	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học cơ sở	
29	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	
30	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	
31	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	
32	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thực	
33	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	
34	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	
35	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	
36	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	
37	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	
38	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	
39	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	
40	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú	
41	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	
42	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	
43	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc rất ít người	

PHỤ LỤC SỐ 04
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ
ĐƯA RA THỰC HIỆN TẠI BỘ PHẬN PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2794/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo		
1	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	
2	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	
3	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	
Lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng		
4	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với tổ chức	
5	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với cá nhân	
6	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014	
7	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014	
Lĩnh vực Giám định y khoa hướng dẫn về việc xác định mức độ khuyết tật		
8	Khám Giám định mức độ khuyết tật với trường hợp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không đưa ra được kết luận về mức độ khuyết tật	
9	Khám Giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật.	
10	Khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác	

PHỤ LỤC SỐ 05
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC LAO ĐỘNG,
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI ĐƯA RA THỰC HIỆN TẠI BỘ PHẬN
PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2197/QĐ-UBND
 ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
Lĩnh vực Bảo trợ xã hội		
1	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	
2	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	
3	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	
4	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	
5	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	
6	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	
7	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp	
8	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	
9	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	
10	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	
11	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	
12	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người KT, người khuyết tật mang thai nuôi con dưới 36 tháng tuổi)	
13	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
14	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	

15	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	
16	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng).	
17	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng).	
18	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc.	
19	Thực hiện hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng.	
20	Thành lập Trung tâm công tác xã hội công lập	
21	Giải thể Trung tâm công tác xã hội công lập	
22	Thay đổi tên gọi, trụ sở làm việc của Trung tâm công tác xã hội	
Lĩnh vực Người có công		
23	Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	
24	Hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng	
Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội		
25	Hỗ trợ học văn hóa học nghề trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	
26	Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	
27	Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện	
Lĩnh vực Lao động tiền lương		
28	Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp	
29	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền	
Lĩnh vực Trẻ em		
30	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	
31	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	

PHỤ LỤC SỐ 06
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐƯA RA THỰC HIỆN
TẠI BỘ PHẬN PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2197/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)



TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
Lĩnh vực Đất đai		
1	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	
2	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	
3	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	
4	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam	
5	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam	
6	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	
7	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	
8	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	
9	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	
10	Đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng	

	đất đã được cấp Giấy chứng nhận.	
11	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	
12	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	
13	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	
14	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng.	
15	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	
16	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	
17	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất	
18	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	
19	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	

20	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề	
21	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	
22	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	
23	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	
24	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	
25	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất hoặc cấp lại trang bổ sung do bị mất	
26	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	
27	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện.	
28	Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	
Lĩnh vực Môi trường		
29	Xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường	
30	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	
Lĩnh vực Tài nguyên nước		
31	Đăng ký khai thác nước dưới đất	
32	Lấy ý kiến UBND cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	

PHỤ LỤC SỐ 07
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC TƯ PHÁP
ĐƯA RA THỰC HIỆN TẠI BỘ PHẬN PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2194 /QĐ-UBND
ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
Lĩnh vực Hòa giải		
1	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	
Lĩnh vực Hộ tịch		
2	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	
3	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	
4	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	
5	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	
6	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	
7	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	
8	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	
9	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	
10	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
11	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
12	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	
13	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	
14	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
15	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	

16	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	
17	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	
Lĩnh vực Chứng thực		
18	Cấp bản sao từ sổ gốc	
19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	
20	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	
21	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	
22	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	
23	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	
24	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	
25	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	
26	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	
27	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	
28	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	
29	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	
Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật		
30	Công nhận báo cáo viên pháp luật huyện	
31	Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật huyện Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật huyện	
Lĩnh vực Bồi thường nhà nước		
32	Phục hồi danh dự	
33	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.	

PHỤ LỤC SỐ 08
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC
TỔ CHỨC- NỘI VỤ ĐƯA RA THỰC HIỆN TẠI BỘ PHẬN
PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2194/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
Lĩnh vực Tôn giáo		
1	Thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	
2	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	
3	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	
4	Thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện	
5	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	
6	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	
7	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	
8	Thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, Quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	
Lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng		
9	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	
10	Tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	
11	Tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở	
12	Tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	
13	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	
14	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đợt xuất	

15	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	
16	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện cho gia đình.	
Lĩnh vực Tổ chức Phi Chính phủ		
17	Công nhận ban vận động thành lập hội	
18	Thành lập hội	
19	Phê duyệt điều lệ hội	
20	Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội	
21	Đổi tên hội	
22	Hội tự giải thể	
23	Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	
24	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	
25	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ	
26	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	
27	Thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	
28	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	
29	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	
30	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	
31	Đổi tên quỹ	
32	Quỹ tự giải thể	
33	Thẩm định hồ sơ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	
34	Xem xét, chi trả chi phí cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	
Lĩnh vực Tổ chức bộ máy		
35	Thẩm định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	
36	Thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	
37	Thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	

PHỤ LỤC SỐ 9
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC
KINH TẾ - HẠ TẦNG ĐƯA RA THỰC HIỆN TẠI BỘ PHẬN
PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2794/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
Lĩnh vực hoạt động xây dựng		
Quy hoạch kiến trúc		
1	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	
2	Thủ tục thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	
3	Thủ tục cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện quản lý	
Thẩm định dự án, thiết kế, dự toán		
4	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 Bước)	
Cấp giấy phép xây dựng		
5	Cấp giấy phép xây dựng (Giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh.	
6	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh.	
Lĩnh vực Đường bộ		
7	Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố không vào mục đích giao thông	

8	Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố để trông, giữ xe	
9	Gia hạn giấy phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố không vào mục đích giao thông và gia hạn sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để trông giữ xe	
Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng		
10	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
11	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
12	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
13	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	
Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước		
14	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
15	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
16	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
17	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	
18	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	
19	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	

PHỤ LỤC SỐ 10
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC
NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN ĐƯA RA
THỰC HIỆN TẠI BỘ PHẬN PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2194/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
Lĩnh vực Lâm nghiệp		
1	Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	
2	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác tận dụng gỗ trên diện tích đất rừng tự nhiên chuyên sang trồng cao su của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	
3	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư)	
4	Thu hồi rừng của hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện	
5	Cấp phép khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu thiết yếu tại chỗ đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	
6	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng.	
7	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng phòng hộ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng.	
8	Giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân	
9	Giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn	
10	Cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân	
11	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư)	

12	Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với hộ gia đình, cá nhân	
13	Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với cộng đồng dân cư thôn	
14	Khoán công việc và dịch vụ	
Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn		
15	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	
16	Bố trí ổn định dân cư trong huyện	
17	Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại	
18	Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại	
19	Cấp lại Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	
Lĩnh vực Thủy lợi		
20	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do UBND tỉnh phân cấp (UBND cấp huyện phê duyệt)	

PHỤ LỤC SỐ 11
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC DÂN TỘC
ĐƯA RA THỰC HIỆN TẠI BỘ PHẬN PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
1	Xác định đối tượng thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn	

PHỤ LỤC SỐ 12
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA CÔNG AN HUYỆN ĐƯA RA THỰC HIỆN TẠI BỘ PHẬN
PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2194 /QĐ-UBND
ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
Lĩnh vực Quản lý ngành, nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự		
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để làm ngành, nghề kinh doanh nghiệp	
2	Cấp, đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện	
3	Cấp lại Giấy chứng đủ điều kiện về an ninh, trật tự để làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện	

PHỤ LỤC SỐ 13
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA CHI CỤC THUẾ ĐƯA RA THỰC HIỆN TẠI BỘ PHẬN
PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2794/QĐ-UBND
 ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
1	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác có hoạt động sản xuất kinh doanh (trừ trường hợp đơn vị trực thuộc)	
2	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là đơn vị trực thuộc của tổ chức kinh tế, tổ chức khác có hoạt động sản xuất kinh doanh	
3	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức, cá nhân không phát sinh nghĩa vụ nộp thuế nhưng được hoàn thuế (trừ cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam); Các tổ chức không hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng phát sinh nghĩa vụ thuế	
4	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh đăng ký thông qua hồ sơ khai thuế, chưa có mã số thuế	
5	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác. - Đối với cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế trực tiếp tại cơ quan thuế	
6	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác - Đối với cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập	
7	Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân – Cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế cho người phụ thuộc trực tiếp tại cơ quan Thuế	
8	Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân – Cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế cho người phụ thuộc qua cơ quan chi trả thu nhập	
9	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế	
10	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị trực thuộc), Hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh thay đổi các thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý	

11	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân, trừ cá nhân kinh doanh - trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin trực tiếp với cơ quan Thuế	
12	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân, trừ cá nhân kinh doanh - trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin qua cơ quan chi trả thu nhập	
13	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý – Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi	
14	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý – Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến	
15	Hoàn thành nghĩa vụ trước khi giải thể đối với Doanh nghiệp	
16	Đăng ký thuế trong trường hợp tạm ngừng kinh doanh	
17	Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức lại hoạt động của tổ chức kinh tế - Trường hợp chia tổ chức kinh tế đối với tổ chức kinh tế bị chia/ bị sáp nhập/bị hợp nhất	
18	Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức lại hoạt động của tổ chức kinh tế - Trường hợp chia tổ chức kinh tế đối với tổ chức kinh tế mới được chia/được tách/hợp nhất	
19	Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức lại hoạt động của tổ chức kinh tế - Trường hợp tách tổ chức kinh tế đối với tổ chức kinh tế bị tách/nhận sáp nhập	
20	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị trực thuộc thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại) – Đối với đơn vị trước chuyển đổi	
21	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị trực thuộc thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại) – Đối với đơn vị sau chuyển đổi	
22	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (chuyển đơn vị độc lập thành đơn vị trực thuộc của một đơn vị chủ quản khác) – Đối với đơn vị trước chuyển đổi	
23	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (chuyển đơn vị độc lập thành đơn vị trực thuộc của một đơn vị chủ quản khác) – Đối với đơn vị	

	sau chuyển.đổi	
24	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị trực thuộc của một đơn vị chủ quản thành đơn vị trực thuộc của một đơn vị chủ quản khác) - Đối với đơn vị trước chuyển đổi	
25	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị trực thuộc của một đơn vị chủ quản thành đơn vị trực thuộc của một đơn vị chủ quản khác) - Đối với đơn vị sau chuyển đổi	
26	Khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ	
27	Khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên GTGT	
28	Khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu	
29	Khai thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh và chuyển nhượng bất động sản ngoại tỉnh	
30	Chuyển đổi áp dụng phương pháp tính thuế giá trị gia tăng	
31	Khai thuế giá trị gia tăng dành cho dự án đầu tư	
32	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản	
33	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu.	
34	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng vốn	
35	Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp	
36	Khai thuế đối với đối với cá nhân kinh doanh khai thuế theo từng lần phát sinh	
37	Khai thay thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	
38	Khai thay thuế thu nhập cá nhân đối với doanh nghiệp có cá nhân chuyển nhượng vốn góp (không bao gồm chứng khoán) nhưng chưa khai thuế	
39	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế	
40	Khai thay thuế thu nhập cá nhân đối với doanh nghiệp có cá nhân	

	chuyên nhượng chứng khoán nhưng chưa khai thuế	
41	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyên nhượng bất động sản trong trường hợp góp vốn bằng bất động sản	
42	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyên nhượng vốn, trong trường hợp góp vốn bằng phần vốn góp	
43	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyên nhượng chứng khoán trong trường hợp góp vốn bằng chứng khoán	
44	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công đối với thu nhập từ thưởng bằng cổ phiếu	
45	Khai miễn thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân chuyên nhượng bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai)	
46	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu, lợi tức ghi tăng vốn khi chuyên nhượng	
47	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyên nhượng nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai tại Việt Nam; cá nhân nhận thừa kế, quà tặng là nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai tại Việt Nam	
48	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ chuyên nhượng vốn (trừ chuyên nhượng chứng khoán)	
49	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng (trừ bất động sản)	
50	Khai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công	
51	Khai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện khấu trừ thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyên nhượng chứng khoán, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú; từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; Tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện khấu trừ thuế khi nhận chuyên nhượng vốn góp của cá nhân không cư trú	
52	Khai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với Công ty xổ số, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp bán hàng đa cấp trả tiền hoa hồng cho cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý bán đúng giá; doanh nghiệp bảo hiểm trả phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác	
53	Khai quyết toán thuế/ Hoàn thuế (trường hợp hoàn trước kiểm tra sau) đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công quyết toán trực tiếp với cơ quan thuế	
54	Khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả	

	thu nhập từ tiền lương, tiền công	
55	Khai thuế đối với cá nhân có tài sản cho thuê	
56	Đăng ký người phụ thuộc (NPT) giảm trừ gia cảnh đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công	
57	Khai thuế năm đối với cá nhân làm đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, bán hàng đa cấp và hoạt động kinh doanh khác chưa khấu trừ, nộp thuế trong năm	
58	Khai thuế tài nguyên đối với cơ sở khai thác tài nguyên	
59	Khai quyết toán thuế tài nguyên (trừ dầu thô, khí thiên nhiên)	
60	Khai phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	
61	Khai quyết toán phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	
62	Khai thuế bảo vệ môi trường đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khai thác khoáng sản.	
63	Khai thuế bảo vệ môi trường đối với than khai thác và tiêu thụ nội địa - Trường hợp than do Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) quản lý và giao cho các đơn vị thành viên khai thác, chế biến và tiêu thụ	
64	Khai thuế tiêu thụ đặc biệt	
65	Khai thuế đối với tái bảo hiểm nước ngoài	
66	Khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài	
67	Khai thuế đối với hãng hàng không nước ngoài	
68	Khai phí, lệ phí khác thuộc ngân sách nhà nước	
69	Khai quyết toán phí, lệ phí khác thuộc ngân sách nhà nước	
70	Thông báo (đăng ký) phương pháp tính thuế của nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài (NTNN, NTPNN)	
71	Khai thuế đối với Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu	
72	Khai quyết toán thuế TNDN đối với Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ,	

	nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu	
73	Khai thuế đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu đối với hoạt động kinh doanh và các loại thu nhập khác	
74	Khai quyết toán thuế đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT tính trực tiếp trên GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu đối với hoạt động kinh doanh và các loại thu nhập khác	
75	Đề nghị sử dụng hóa đơn tự in, đặt in	
76	Báo cáo về việc nhận in hóa đơn/biên lai, cung cấp phần mềm tự in hóa đơn/biên lai; Báo cáo về việc truyền hoá đơn điện tử của tổ chức trung gian cung cấp giải pháp hoá đơn điện tử	
77	Thông báo phát hành hóa đơn đặt in/hóa đơn tự in/hóa đơn in trực tiếp từ máy tính tiền và hóa đơn điện tử	
78	Thông báo về hóa đơn, Biên lai thu tiền phí, lệ phí không tiếp tục sử dụng/ Thông báo kết quả hủy hóa đơn, Biên lai thu tiền phí, lệ phí	
79	Thông báo về việc ủy nhiệm/chấm dứt ủy nhiệm lập hóa đơn, biên lai thu tiền phí, lệ phí	
80	Thông báo phát hành biên lai thu phí, lệ phí do cơ quan thu phí, lệ phí đặt in/tự in	
81	Báo cáo tình hình sử dụng Biên lai thu tiền phí, lệ phí	
82	Đăng ký số lượng, loại tem rượu dự kiến sử dụng trong năm/ Mua tem rượu	
83	Báo cáo tình hình sử dụng tem rượu, quyết toán tem rượu và báo cáo mất tem rượu.	
84	Đăng ký hủy và thông báo kết quả hủy tem rượu	
85	Hoàn thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp có số thuế đầu vào chưa được khấu trừ hết theo quy định của pháp luật về thuế GTGT, hoặc đối với trường hợp đang trong giai đoạn đầu tư chưa có thuế giá trị gia tăng đầu ra, hoặc bù trừ số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho dự án đầu tư cùng với việc kê khai thuế GTGT của hoạt động sản xuất kinh doanh; trường hợp xuất khẩu	
86	Hoàn thuế GTGT đối với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và vật tư xây dựng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp	
87	Hoàn thuế TNCN đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện	

	·quyết toán thay cho các cá nhân có ủy quyền quyết toán thuế (trường hợp hoàn trước kiểm tra sau)	
88	Hoàn thuế, phí nộp thừa đối với người nộp thuế sáp nhập, chia tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu, chấm dứt hoạt động (trường hợp kiểm tra trước hoàn sau)	
89	Hoàn các loại thuế, phí khác	
90	Miễn thuế Thu nhập cá nhân đối với Chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA	
91	Giảm thuế thu nhập cá nhân đối với đối tượng nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, hoả hoạn; do bị tai nạn; mắc bệnh hiểm nghèo.	
92	Miễn, giảm thuế tài nguyên đối với tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên theo quy định tại Điều 9 Luật Thuế tài nguyên	
93	Không tính tiền chậm nộp/Miễn tiền chậm nộp tiền thuế	
94	Nộp dần tiền thuế nợ	
95	Gia hạn nộp thuế	
96	Gia hạn nộp hồ sơ khai thuế	
97	Xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế	
98	Khai bổ sung hồ sơ khai thuế	
99	Thông báo phương pháp trích khấu hao tài sản cố định	
100	Cấp giấy đề nghị xác nhận số thuế đã nộp ngân sách nhà nước	

PHỤ LỤC SỐ 14
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA HẠT KIỂM LÂM ĐƯA RA THỰC HIỆN
TẠI BỘ PHẬN PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2194 /QĐ-UBND
ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
1	Xác nhận mẫu vật khai thác là động vật rừng thông thường	
2	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	
3	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	
4	Cấp bổ sung giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	
5	Đóng dấu búa kiểm lâm	
6	Cấp giấy phép vận chuyển gấu	
7	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với lâm sản: chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản sau chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên; lâm sản sau chế biến có nguồn gốc nhập khẩu, sau xử lý tịch thu (Đối với cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản có vi phạm các quy định của Nhà nước về hồ sơ lâm sản hoặc chấp hành chưa đầy đủ các quy định của Nhà nước); động vật rừng gầy nuôi trong nước và bộ phận dẫn xuất của chúng	
8	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cỏ thụ có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu hợp pháp; cây xử lý tịch thu	